



**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP
Ngoại thương Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011



Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0104000069 ngày 24 tháng 4 năm 2002
Đăng ký Kinh doanh số 0104000069 ngày 13 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Giấy phép Kinh doanh 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002
Chứng khoán số 192/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 2 năm 2009

Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán đầu tiên và điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

Hội đồng Thành viên Ông Phạm Quang Dũng Chủ tịch
Bà Hoàng Diễm Thùy Thành viên
Ông Ngô Quang Trung Thành viên

Ban Giám đốc Ông Ngô Quang Trung Giám đốc
Ông Trần Việt Anh Phó Giám đốc
Ông Mai Trung Dũng Phó Giám đốc
Ông Lê Việt Hà Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Xuân Phó Giám đốc
(đến ngày 4 tháng 11 năm 2011)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank
198 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Tầng 1, Tòa nhà Green Star
70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng 2, Tòa nhà Tổng Công ty Du lịch Hà Nội 10 Đường Hải Phòng, Quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	Tầng 1, Tòa nhà Bưu điện, Số 2 Đại lộ Hòa Bình, Quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	Tầng 1, Tòa nhà Vietcombank 27 Lê Lợi, Thành phố Vũng Tàu Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Bình Dương	Tầng 1, Tòa nhà Vietcombank Bình Dương 314 Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thủ Dầu Một Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ Đầu tư
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.


Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

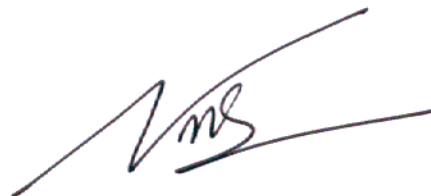
Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 11-01-443




Nguyễn Thùy Dương
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV
Phó Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Minh Hiếu
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000 Phân loại lại
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.008.907.156	1.966.774.359
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	2.653.284.781	1.692.864.753
Tiền	111		2.338.284.781	435.864.753
Các khoản tương đương tiền	112		315.000.000	1.257.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	307.676.532	216.322.457
Đầu tư ngắn hạn	121		315.417.392	219.971.090
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(7.740.860)	(3.648.633)
III. Các khoản phải thu – ngắn hạn	130	6	41.297.230	49.164.313
Phải thu từ khách hàng	131		1.699.148	45.120
Trả trước cho người bán	132		608.656	538.269
Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	135		11.533.813	18.807.410
Các khoản phải thu khác	138		27.455.613	29.773.514
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.648.613	8.422.836
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	3.034.988	3.078.355
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	8	3.368.741	5.294.914
Tài sản ngắn hạn khác	158		244.884	49.567
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		182.857.309	110.169.877
II. Tài sản cố định	220		4.125.793	8.569.440
Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.110.305	7.970.925
<i>Nguyên giá</i>	222		31.748.087	35.429.340
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(27.637.782)	(27.458.415)
Tài sản cố định vô hình	227	10	15.488	598.515
<i>Nguyên giá</i>	228		2.173.140	2.173.140
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.157.652)	(1.574.625)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	157.410.053	82.755.356
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		183.252.386	101.979.427
Đầu tư dài hạn khác	258		13.440.000	13.440.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(39.282.333)	(32.664.071)
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.321.463	18.845.081
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.105.674	1.668.152
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	12	16.854.314	13.835.354
Tài sản dài hạn khác	268	13	3.361.475	3.341.575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.191.764.465	2.076.944.236

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		2.356.260.756	1.251.236.126
I. Nợ ngắn hạn	310		2.355.976.146	1.250.767.564
Phải trả người bán	312		117.560	390.013
Người mua trả tiền trước	313		315.000	568.980
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.080.334	2.632.288
Phải trả người lao động	315		12.459.055	15.037.394
Chi phí phải trả	316		56.856	972.222
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	15	905.070	950.615
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	321	16	12.998.502	15.150.226
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		5.981.175	6.881.408
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	17	2.322.062.594	1.208.184.418
II. Nợ dài hạn	330		284.610	468.562
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		284.610	468.562
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		835.503.709	825.708.110
I. Vốn chủ sở hữu	410		835.503.709	825.708.110
Vốn điều lệ	411	18	700.000.000	700.000.000
Vốn khác	413		914.795	914.795
Quỹ đầu tư và phát triển	417		30.762.096	30.762.096
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	24.637.237	24.094.828
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419	19	4.568.345	4.025.936
Lợi nhuận chưa phân phối	420		74.621.236	65.910.455
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.191.764.465	2.076.944.236

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
6. Chứng khoán lưu ký	006	8.966.112.670	6.664.393.520
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	8.649.202.180	5.837.206.960
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	6.622.290	5.059.480
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	6.881.220.350	4.584.939.750
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.761.359.540	1.247.207.730
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	225.849.600	689.889.050
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	218.649.600	689.889.050
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	7.200.000	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	37.263.000	36.162.170
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	34.563.720
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	37.253.000	1.598.450
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	10.000	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	53.797.890	101.135.340
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	200	15.440
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	53.478.570	101.029.770
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	319.120	90.130

Người lập:



Lê Thanh Nghị
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND'000	2010 VND'000
Doanh thu	01		148.817.574	466.408.909
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu môi giới chứng khoán	01.1		29.980.914	67.645.091
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01.2		24.592.185	26.563.497
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		450.000	459.852
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		6.002	48.279
Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán	01.5		3.547.282	1.141.057
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		236.220	116.402
Doanh thu khác	01.9	20	90.004.971	370.434.731
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		148.817.574	466.408.909
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	21	(67.203.996)	(350.799.341)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		81.613.578	115.609.568
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	(69.275.343)	(80.678.551)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.338.235	34.931.017
Thu nhập khác	31		447.808	-
Chi phí khác	32		(11.680)	(75.732)
Lợi nhuận trước thuế	50		12.774.363	34.855.285
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	(1.926.173)	(7.838.775)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
Lợi nhuận thuần	60		10.848.190	27.016.510

Người lập:



Lê Thanh Nghị
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn điều lệ VND'000	Vốn khác VND'000	Quỹ đầu tư và phát triển VND'000	Quỹ dự phòng tài chính VND'000	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	700.000.000	914.795	30.762.096	22.744.002	2.675.110	48.151.978	805.247.981
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	27.016.510	27.016.510
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.556.381)	(6.556.381)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	1.350.826	1.350.826	(2.701.652)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	700.000.000	914.795	30.762.096	24.094.828	4.025.936	65.910.455	825.708.110
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.848.190	10.848.190
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	542.409	542.409	(1.084.818)	-
Chi trả khác	-	-	-	-	-	(1.052.591)	(1.052.591)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	700.000.000	914.795	30.762.096	24.637.237	4.568.345	74.621.236	835.503.709

Người lập:



Lê Thanh Nghị
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Việt Hà
 Phó Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


	Mã số	2011 VND'000	2010 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	12.774.363	34.855.285
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	4.897.397	6.751.552
Các khoản dự phòng	03	10.710.489	20.158.658
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(63.454)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.173.277)	(15.376.327)
Thu nhập tiền lãi	05	(89.517.178)	(368.656.760)
Chi phí lãi vay	06	1.548.611	292.593.706
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(62.823.049)	(29.673.886)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	13.628.453	460.545.967
Biến động các khoản phải thu, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	10	7.228.052	(4.828.734)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	1.105.019.806	241.285.870
Biến động các khoản trả trước và ký quỹ	12	(2.433.015)	(4.202.637)
		1.060.620.247	663.126.580
Lãi vay đã trả	13	(2.520.833)	(291.621.484)
Thuế TNDN đã nộp	14	-	(11.315.467)
Thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	59.899
Tiền thuần thu từ các hoạt động kinh doanh	20	1.058.099.414	360.249.528

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	2011 VND'000	2010 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(453.750)	(3.094.038)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	63.454	-
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư	24	386.436.643	18.974.421
Tiền chi mua các khoản đầu tư	25	(582.898.376)	(121.440.980)
Lãi tiền gửi và cổ tức đã nhận	27	99.172.643	362.461.061
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động đầu tư	30	(97.679.386)	256.900.464
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	960.420.028	617.149.992
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.692.864.753	1.075.714.761
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 3)	70	2.653.284.781	1.692.864.753

Người lập:


 Lê Thanh Nghị
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




 Lê Việt Hà
 Phó Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam và là công ty con được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”), một ngân hàng được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 198 nhân viên (31/12/2010: 229 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VND’000”), được lập phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Thay đổi chính sách kế toán

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng Thông tư 210 không ảnh hưởng trọng yếu đến việc đo lường hoặc trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do việc áp dụng phi hồi tố.

Vào ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC (“Thông tư 162”) hướng dẫn sửa đổi và bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 162 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 và Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 162. Việc áp dụng Thông tư 162 không ảnh hưởng trọng yếu đến việc trình bày và thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(e) Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền;
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn;
- Các khoản phải thu;
- Đầu tư chứng khoán dài hạn; và
- Tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm:

- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Các khoản nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác; và
- Nợ dài hạn.

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền liên quan đến các giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tiền của Công ty.

(g) Chứng khoán thương mại, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán vốn và chứng khoán nợ chưa niêm yết được nắm giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào (chứng khoán sẵn sàng để bán).

Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và kỳ đáo hạn cố định, mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty mà Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và có ý định nắm giữ hơn một năm dù thời gian nắm giữ thật sự có thể dài hơn hoặc ngắn hơn tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh sau ngày góp vốn của đơn vị được đầu tư, và các điều kiện khác.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các khoản chứng khoán thương mại, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày ký kết các điều kiện của hợp đồng đầu tư (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và chứng khoán đầu tư chưa niêm yết sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán. Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán chưa niêm yết không được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc xác định giá trị của khoản dự phòng giảm giá chứng khoán sau khi xem xét nguyên giá, điều kiện thị trường, kết quả hoạt động kinh doanh hiện tại và trong tương lai và dòng tiền dự kiến.

Các chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản phụ trội hoặc chiết khấu phát sinh khi mua các chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Các khoản dự phòng giảm giá được xác định bằng việc tham khảo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Dự phòng giảm giá cho chứng khoán thương mại, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được đề cập ở trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản hoàn nhập dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Nguyên giá của chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và nguyên giá của chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu.

(h) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty ủy thác cho bên thứ ba để thay mặt Công ty đầu tư vào các chứng khoán theo các điều khoản trong hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản được mua theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh số 2(e), (f), (g), và thuyết minh số 2(r) - (ii) và (v).

Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(i) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tồn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- phương tiện vận chuyển 6 năm
- đồ đạc và trang thiết bị văn phòng 3 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí đồng phục, công cụ dụng cụ và chi phí nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(p) Vốn điều lệ và vốn khác

Vốn điều lệ và vốn khác được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(q) Các quỹ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là bổ sung vốn điều lệ.

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được phân loại như một phần của vốn chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư và phát triển và quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Các quỹ này được Ban Giám đốc đề xuất, Hội đồng thành viên xem xét và chủ sở hữu Công ty phê duyệt.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành của dịch vụ cung cấp tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên công việc đã thực hiện.

(iv) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn chủ yếu phản ánh thu nhập lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng và các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động giao dịch chứng khoán. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(s) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát hay cùng chịu ảnh hưởng đáng kể.

(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh liên quan của báo cáo tài chính.

(x) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

(y) **Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính**

(i) **Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại vào một trong các loại sau:

Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty phân loại tài sản tài chính vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ để kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và phải thu;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính được phân loại thành một trong các loại sau:

Nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(z) *Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý*

Theo Thông tư 210, Công ty thuyết minh về giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ của chúng trong Thuyết minh số 27.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, Công ty xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Nếu không tồn tại một thị trường hoạt động cho một công cụ tài chính, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng cách sử dụng kỹ thuật định giá. Kỹ thuật định giá bao gồm việc sử dụng các giao dịch trao đổi ngang giá gần nhất giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch (nếu có), việc tham khảo giá trị hợp lý hiện tại của các công cụ khác cơ bản giống nhau và phương pháp chiết khấu dòng tiền. Kỹ thuật định giá được lựa chọn sử dụng tối đa các dữ liệu thị trường, càng ít dựa vào các ước tính mang tính đặc thù đối với Công ty càng tốt, đưa vào tất cả các yếu tố mà các bên tham gia thị trường sẽ xem xét khi thiết lập một mức giá, và nhất quán với các phương pháp kinh tế được chấp nhận để định giá các công cụ tài chính. Các dữ liệu đầu vào phục vụ các kỹ thuật định giá phản ánh một cách hợp lý các ước tính của thị trường và đo lường yếu tố rủi ro - tỷ suất sinh lời gắn liền với công cụ tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Tiền gửi ngân hàng	2.338.284.781	435.864.753
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng)	315.000.000	1.257.000.000
<i>Trong đó: Các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	324.058.020	421.789.740
	2.653.284.781	1.692.864.753

Tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ khác VND tương đương 324 triệu VND (31/12/2010: 449 triệu VND).

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch		Giá trị giao dịch	
	2011	2010	2011 VND'000	2010 VND'000
a) Công ty	7.275.200	7.427.941	397.639.554	615.090.965
Cổ phiếu	4.175.200	1.997.941	81.987.354	43.842.620
Trái phiếu	3.100.000	5.430.000	315.652.200	571.248.345
b) Nhà đầu tư/ khách hàng	874.538.855	726.573.852	36.013.280.127	28.460.895.183
Cổ phiếu	609.930.290	607.746.082	9.012.983.812	17.673.398.453
Trái phiếu	260.210.855	103.388.530	26.969.305.060	10.648.032.160
Chứng khoán khác	4.397.710	15.439.240	30.991.255	139.464.570
	881.814.055	734.001.793	36.410.919.681	29.075.986.148

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

5. Tình hình các khoản đầu tư

Chi tiết các khoản đầu tư bị giảm giá được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng		So với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Đầu tư ngắn hạn	550.746	494.774	11.138.403	10.301.828	-	41.547	(7.740.860)	(3.648.633)	3.397.543	6.694.742
Chứng khoán thương mại	550.746	494.774	11.138.403	10.301.828	-	41.547	(7.740.860)	(3.648.633)	3.397.543	6.694.742
Cổ phiếu niêm yết	550.746	494.774	11.138.403	10.301.828	-	41.547	(7.740.860)	(3.648.633)	3.397.543	6.694.742
ACB	18.271	14.192	506.921	422.678	-	-	(112.267)	(59.363)	394.654	363.315
HMC	5.000	5.000	102.719	102.719	-	-	(58.719)	(25.719)	44.000	77.000
IMT	32.550	32.550	341.775	341.775	-	-	(253.890)	(19.530)	87.885	322.245
KLS	5.991	5.191	112.786	102.743	-	-	(65.457)	(19.168)	47.329	83.575
PLC	9.550	6.496	214.664	210.149	-	33.451	(80.009)	-	134.655	243.600
PTP	31.080	31.080	598.290	598.290	-	-	(495.726)	(390.054)	102.564	208.236
PVC	4.942	3.620	115.488	88.920	-	8.096	(56.184)	-	59.304	97.016
PVI	6.362	5.564	144.646	131.417	-	-	(26.949)	(31.822)	117.697	99.595
PVS	7.979	4.520	190.738	146.790	-	-	(69.458)	(52.774)	121.280	94.016
SD9	8.369	7.644	243.172	231.791	-	-	(192.958)	(61.329)	50.214	170.462
VC2	2.195	1.971	109.879	104.109	-	-	(79.149)	(22.115)	30.730	81.994
VOS	290.000	290.000	5.539.000	5.539.000	-	-	(4.350.000)	(2.349.000)	1.189.000	3.190.000
VSP	4.612	4.177	152.003	142.783	-	-	(128.943)	(22.903)	23.060	119.880
Khác	123.845	82.769	2.766.322	2.138.664	-	-	(1.771.151)	(594.856)	995.171	1.543.808

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá trị tăng (Giảm)		Tổng giá trị theo giá trị tăng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Đầu tư dài hạn	6.690.807	6.690.807	102.896.194	102.896.194	-	-	63.613.861	70.232.123
I. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	6.370.807	6.370.807	89.456.194	89.456.194	-	-	(39.282.333)	(32.664.071)
Cổ phiếu chưa niêm yết	6.370.807	6.370.807	89.456.194	89.456.194	-	-	(34.531.658)	(27.913.396)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	2.330.242	2.330.242	44.374.394	44.374.394	-	-	(34.531.658)	(27.913.396)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	3.958.080	3.958.080	43.570.800	43.570.800	-	-	(25.732.458)	(23.402.216)
Ngân hàng Cổ phần Thương mại Thịnh Vượng	82.485	82.485	1.511.000	1.511.000	-	-	(7.948.080)	(3.990.000)
II. Các khoản đầu tư dài hạn khác	320.000	320.000	13.440.000	13.440.000	-	-	(851.120)	(521.180)
Công ty cổ phần truyền thông và ứng dụng Công nghệ FBNC	320.000	320.000	13.440.000	13.440.000	-	-	(4.750.675)	(4.750.675)
							659.880	989.820
							8.689.325	8.689.325

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong năm như sau:

	2011 VND'000	2010 VND'000
Số dư đầu năm	3.648.633	232.973
Tăng dự phòng trong năm	4.092.227	3.415.660
Số dư cuối năm	<u>7.740.860</u>	<u>3.648.633</u>

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	2011 VND'000	2010 VND'000
Số dư đầu năm	27.913.396	15.517.486
Tăng dự phòng trong năm	6.618.262	12.395.910
Số dư cuối năm	<u>34.531.658</u>	<u>27.913.396</u>

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2011 VND'000	2010 VND'000
Số dư đầu năm	4.750.675	403.587
Tăng dự phòng trong năm	-	4.347.088
Số dư cuối năm	<u>4.750.675</u>	<u>4.750.675</u>

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm:

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động giao dịch chứng khoán	11.533.813	18.807.410

Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động giao dịch chứng khoán chịu lãi suất ngày là 0,055% và có thời gian đáo hạn từ 1 đến 3 ngày.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	1.929.444	6.514.982
Lãi phải thu từ trái phiếu	19.709.886	4.248
Các khoản phải thu liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư (i)	913.068	20.712.688
Phải thu khác	4.903.215	2.541.596
	<hr/>	<hr/>
	27.455.613	29.773.514
	<hr/>	<hr/>

(i) Chi tiết các tài sản của hợp đồng ủy thác đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010 như sau:

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	922.745	20.704.669
Lãi phải thu	-	15.232
Trừ		
Các loại phí phải trả	(9.677)	(7.213)
	<hr/>	<hr/>
	913.068	20.712.688
	<hr/>	<hr/>

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng nợ khó đòi nào cần thiết phải lập cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu không được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2011 VND'000
Trong hạn	40.936.566
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	360.664
	<hr/>
	41.297.230
	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Tiền thuê văn phòng trả trước	2.159.814	2.147.198
Các chi phí trả trước khác	875.174	931.157
	<u>3.034.988</u>	<u>3.078.355</u>

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Thuế TNDN nộp thừa	3.368.741	5.294.914

9. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND'000	Đồ đạc và trang thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.540.060	30.889.280	35.429.340
Tăng trong năm	-	453.750	453.750
Thanh lý	-	(4.135.003)	(4.135.003)
Số dư cuối năm	<u>4.540.060</u>	<u>27.208.027</u>	<u>31.748.087</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.326.738	24.131.677	27.458.415
Khấu hao trong năm	583.655	3.730.715	4.314.370
Thanh lý	-	(4.135.003)	(4.135.003)
Số dư cuối năm	<u>3.910.393</u>	<u>23.727.389</u>	<u>27.637.782</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.213.322	6.757.603	7.970.925
Số dư cuối năm	<u>629.667</u>	<u>3.480.638</u>	<u>4.110.305</u>

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 13.557 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31/12/2010: 13.377 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Phần mềm máy vi tính VND'000
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	2.173.140
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.574.625
Phân bổ trong năm	583.027
Số dư cuối năm	2.157.652
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	598.515
Số dư cuối năm	15.488

11. Chi phí trả trước dài hạn

	2011 VND'000	2010 VND'000
Số dư đầu năm	1.668.152	10.410
Tăng trong năm	269.805	2.158.176
Phân bổ	(832.283)	(500.434)
Số dư cuối năm	1.105.674	1.668.152

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

12. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	16.854.314	13.835.354

Theo các Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2011 VND'000	2010 VND'000
Số dư đầu năm	13.835.354	12.180.097
Tiền nộp bổ sung trong năm	1.568.071	1.655.257
Thu nhập lãi trong năm	1.450.889	-
Số dư cuối năm	16.854.314	13.835.354

13. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Tiền đặt cọc thuê văn phòng, nhà và căn hộ	3.361.475	3.341.575

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	236.868	867.970
Thuế thu nhập cá nhân	751.427	1.764.318
Các thuế khác	92.039	-
	1.080.334	2.632.288

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

15. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Phải trả cho các Sở Giao dịch Chứng khoán	228.614	597.023
Phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	449.823	353.592
Phí giao dịch chứng khoán phải trả	221.916	-
Khác	4.717	-
	<u>905.070</u>	<u>950.615</u>

16. Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu chủ yếu liên quan đến phải trả hộ cổ tức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho các cổ đông vì Công ty là đơn vị quản lý sổ cổ đông trước khi cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được niêm yết.

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Tiền ký quỹ của khách hàng cho các hoạt động giao dịch chứng khoán	311.392.777	406.382.734
Tiền ứng trước của tổ chức tín dụng cho các hợp đồng môi giới chứng khoán (i)	2.000.000.000	800.000.000
Các khoản phải trả kinh phí công đoàn và bảo hiểm	-	811.232
Khác	10.669.817	990.452
	<u>2.322.062.594</u>	<u>1.208.184.418</u>

- (i) Tiền ứng trước của tổ chức tín dụng cho các hợp đồng môi giới chứng khoán phản ánh các hợp đồng mà theo đó Công ty phải mua các chứng khoán theo yêu cầu của tổ chức tín dụng.

18. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt và đã góp	
	VND'000	%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	700.000.000	100%

Công ty mẹ và công ty mẹ cao cấp nhất, là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

19. Quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán, Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây hàng năm từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

20. Doanh thu khác

	2011 VND'000	2010 VND'000
Thu nhập tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng	87.179.039	359.178.578
Khoản phí từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động giao dịch chứng khoán	2.338.139	7.687.035
Thu nhập lãi từ việc thực hiện các hợp đồng mua lại	-	1.791.147
Khác	487.793	1.777.971
	90.004.971	370.434.731

21. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2011 VND'000	2010 VND'000
Chi phí môi giới chứng khoán	5.956.810	13.016.253
Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	10.710.489	3.415.660
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	16.742.998
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	3.356.751	-
Chi phí lưu ký chứng khoán	4.593.084	2.522.271
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	75.000	230.368
Chi phí nhân viên trực tiếp	20.950.496	13.116.821
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	951.642	771.521
Chi phí và các khoản lỗ kinh doanh chứng khoán liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư	18.062.157	8.365.559
Chi phí lãi từ các khoản ứng trước của các tổ chức tín dụng theo điều khoản hợp đồng môi giới chứng khoán	1.548.611	292.593.706
Khác	998.956	24.184
	67.203.996	350.799.341

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2011 VND'000	2010 VND'000
Chi phí nhân viên	24.899.968	35.589.836
Chi phí thuê văn phòng	18.550.608	977.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.503.047	26.723.685
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	3.945.755	5.980.031
Thuế và lệ phí	182.735	950.322
Chi phí khác	9.193.230	10.457.163
	69.275.343	80.678.551

23. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND'000	2010 VND'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	1.926.173	7.517.577
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	321.198
	1.926.173	7.838.775
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập	1.926.173	7.838.775

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND'000	2010 VND'000
Lợi nhuận trước thuế	12.774.363	34.855.285
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.554.873	6.971.057
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	385.234	1.503.516
Chi phí không được khấu trừ thuế	51	15.146
Thu nhập không bị tính thuế	(1.013.985)	(972.142)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	321.198
	1.926.173	7.838.775

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến 2006, 20% từ năm 2007 đến 2012 và 25% cho các năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác và các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất là 25%.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2011 VND'000	2010 VND'000	2011 VND'000	2010 VND'000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn và tiền gửi thanh toán	50.906.183.511	108.612.626.900	2.382.560.686	406.735.130
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	11.887.607	32.736.000	-	-
Hợp đồng môi giới chứng khoán	5.000.000.000	22.750.000.000	2.000.000.000	800.000.000
Chi phí lãi từ hợp đồng môi giới chứng khoán	1.548.611	291.751.249	-	972.222
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198				
Chi phí thuê văn phòng	10.050.665	8.802.629	-	-
Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank				
Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-	106.993.068	109.853.981
Phí liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư	268.795	379.054	-	-

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

25. Biến động các khoản phải thu

Loại hình	Số đầu năm		Biến động trong năm		Số cuối năm	
	Tổng VND'000	Số khó đòi VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Tổng VND'000	Số khó đòi VND'000
1. Phải thu từ khách hàng	45.120	-	5.179.350	(3.525.322)	1.699.148	-
2. Trả trước cho người bán	538.269	-	1.188.815	(1.118.428)	608.656	-
3. Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	18.807.410	-	1.118.212.274	(1.125.485.871)	11.533.813	-
4. Các khoản phải thu khác	29.773.514	-	309.368.650	(311.686.551)	27.455.613	-
	49.164.313	-	1.433.949.089	(1.441.816.172)	41.297.230	-

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

26. Quản lý rủi ro tài chính

Phần thuyết minh này trình bày chi tiết về mức độ rủi ro tài chính của Công ty và các phương pháp được Ban Giám đốc sử dụng để quản lý các rủi ro này. Rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Công ty gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác của một công cụ tài chính không thực hiện đúng các nghĩa vụ ghi trên hợp đồng. Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản thế chấp. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, rủi ro tín dụng của Công ty chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng (bao gồm lãi phải thu), các khoản phải thu và chứng khoán nợ.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thời gian đáo hạn dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính không phải sinh như sau:

	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền không chiết khấu VND'000	Dưới 1 năm VND'000	Từ 1 đến 5 năm VND'000	Trên 5 năm VND'000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Phải trả người bán	117.560	117.560	117.560	-	-
Người mua trả tiền trước	315.000	315.000	315.000	-	-
Phải trả người lao động	12.459.055	12.459.055	12.459.055	-	-
Chi phí phải trả	56.856	56.856	56.856	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	905.070	905.070	905.070	-	-
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	12.998.502	12.998.502	12.998.502	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.322.062.594	2.322.062.594	2.322.062.594	-	-
Nợ dài hạn	284.610	284.610	-	284.610	-
	2.349.199.247	2.349.199.247	2.348.914.637	284.610	-

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(c) **Rủi ro thị trường**

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có rủi ro tiền tệ trọng yếu của các ngoại tệ khác VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, rủi ro lãi suất của Công ty do sự thay đổi của lãi suất thị trường là rất nhỏ vì thời hạn của tài sản hưởng lãi và nợ phải trả chịu lãi là ngắn hạn.

Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn của Công ty.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty được Ban Giám đốc quản lý bằng việc lựa chọn thận trọng các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 3.655 triệu VND (31/12/2010: 99.317 triệu VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 31% tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm hoặc tăng một khoản là 1.133 triệu VND (31/12/2010: 30.788 triệu VND).

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

27. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.653.284.781	2.653.284.781	1.692.864.753	1.692.864.753
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	307.676.532	307.736.193	216.322.457	219.317.139
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	3.596.282	3.655.943	96.322.457	99.317.139
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	106.080.000	106.080.000	-	-
<i>Trái phiếu</i>	198.000.250	198.000.250	-	-
<i>Đầu tư ngắn hạn khác</i>	-	-	120.000.000	120.000.000
Các khoản phải thu	41.297.230	41.297.230	49.164.313	49.164.313
Đầu tư chứng khoán dài hạn	157.410.053	157.895.053	82.755.356	84.228.559
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	148.646.505	149.131.505	73.991.808	75.465.011
<i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	74.223	74.223	74.223	74.223
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	8.689.325	8.689.325	8.689.325	8.689.325
Tài sản tài chính khác	20.215.789	20.215.789	17.176.929	17.176.929
	3.179.884.385	3.180.429.046	2.058.283.808	2.062.751.693
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	905.070	905.070	950.615	950.615
Phải trả hệ cổ tức và lãi trái phiếu	12.998.502	12.998.502	15.150.226	15.150.226
Các khoản nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác	2.335.011.065	2.335.011.065	1.225.153.027	1.225.153.027
Nợ dài hạn	284.610	284.610	468.562	468.562
	2.349.199.247	2.349.199.247	1.241.722.430	1.241.722.430

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được dựa trên giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc niên độ kế toán được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán. Nếu giá giao dịch không thể thu thập được, giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết được xác định bởi Ban Giám đốc bằng cách sử dụng các phương pháp định giá thích hợp.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu xấp xỉ giá trị ghi sổ của các khoản phải thu trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

28. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Trong vòng một năm	15.975.929	3.078.355
Trong vòng hai đến năm năm	8.545.170	-
	<hr/>	
	24.521.099	3.078.355
	<hr/>	

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

29. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	2010 (được phân loại lại) VND'000	2010 (được báo cáo trước đây) VND'000
Đầu tư ngắn hạn	219.971.090	130.829.797
Phải thu từ khách hàng	45.120	18.852.530
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	18.807.410	-
Phải thu khác	29.773.514	118.914.807

Người lập:



Lê Thanh Nghị
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

